

# TRIẾT LÝ VỀ GIÁO DỤC TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ VIỆT NAM

BÙI VĂN DŨNG \*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích kho tàng thành ngữ, tục ngữ Việt Nam, nhằm mục đích rút ra những triết lý về giáo dục. Nhiều triết lý có giá trị đã trở thành những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đang được vận dụng trong lý luận dạy học ở nước ta ngày nay và là cơ sở tư tưởng để xây dựng triết học giáo dục Việt Nam.

**Từ khóa:** Triết lý, giáo dục, thành ngữ, tục ngữ.

## Đặt vấn đề

Kho tàng thành ngữ, tục ngữ Việt Nam đồ sộ về số lượng, phong phú về nội dung tư tưởng; xuất hiện từ rất sớm; gắn liền với chức năng xã hội đặc biệt quan trọng, đó là tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong ứng xử của con người. Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam là thể loại thuộc văn học dân gian. Bên cạnh đặc điểm về văn học, thành ngữ, tục ngữ, còn có một đặc tính nổi bật về trí tuệ. Trong thành ngữ, tục ngữ có cả những triết lý về giáo dục. Việc tìm hiểu triết lý giáo dục qua thành ngữ, tục ngữ là rất cần thiết, vì những triết lý giáo dục được đúc kết trong thành ngữ, tục ngữ dễ được mọi người chấp nhận, sử dụng trong đời sống hàng ngày. Nghiên cứu triết lý giáo dục trong thành ngữ, tục ngữ cũng có nghĩa là tìm hiểu những bài học làm người, những tri thức mà ông cha để lại. Bài viết này phân tích một số triết lý giáo dục trong thành ngữ, tục ngữ Việt Nam.

## 1. Triết lý về mục đích học tập

Người Việt Nam thường quan niệm mục đích học là để làm người. Bởi vậy, dù khó khăn đến mấy, người Việt Nam vẫn cố gắng cho con em mình đi học. Học trước hết để làm người, sau đó mới làm việc đời, giúp nước. Mục đích quan trọng hàng đầu của việc học là để có dăm ba chữ và sau đó là để làm người.

“Làm người” là phải có phẩm chất đạo đức con người. Không vì những nhu cầu tầm thường, mà ta đánh mất mình, hạ thấp tư cách, phẩm chất của con người. Con người cần phải biết giữ mình trong sạch, đàng hoàng, ngay thẳng trong mọi hoàn cảnh. Con người phải có khí phách trong cuộc đấu tranh vì lẽ phải, nhất là khi được đặt giữa ranh giới sống và chết để lựa chọn, thà chết mà giữ được nhân phẩm còn hơn sống phải chịu nhục nhã. Về điều này,

---

(\*) Tiến sĩ, Trường Đại học Vinh.

người Việt Nam có triết lý: “Chết vinh còn hơn sống nhục”, “Đói cho sạch, rách cho thơm”.

Người Việt Nam luôn cho rằng trong cuộc sống phải biết thương yêu người khác như chính bản thân mình. “Thương người như thể thương thân” là triết lý về cách sống, cách ứng xử trong quan hệ giữa con người với con người. Triết lý ấy đầy tính nhân văn cao cả trong truyền thống của dân tộc ta.

Như vậy, người Việt Nam đã tiếp cận được với quan niệm đương đại là: “Học để biết, học để làm việc, học để làm người và học để chung sống cùng nhau”. Mặc dù mục đích của việc học tập ngày nay hàm chứa một nội dung rộng hơn, cao hơn, đầy đủ hơn, song cái mục đích “học để làm người”, “làm việc” vẫn được đặc biệt coi trọng trong xu thế chuyển từ quan điểm học tập tinh hoa sang học tập đại chúng và học tập suốt đời.

## **2. Triết lý về vị trí, vai trò của việc học và nguyên tắc chỉ đạo hoạt động giảng dạy, học tập**

Người Việt Nam rất coi trọng việc học. Việc thấy rõ vai trò của giáo dục đối với việc hình thành nhân cách con người là một quan niệm rất tiến bộ; quan niệm đó vừa khẳng định bản chất con người không phải tự nhiên mà có, không phải do tiền định, vừa thấy được quy luật của sự ảnh hưởng, chi phối của các yếu tố môi trường xã hội, sự tác động có ý thức của các thế hệ đi trước

đối với các thế hệ đi sau bằng con đường giáo dục. “Một chữ ông Thánh bằng gánh vàng” hoặc “Một kho vàng không bằng một nang chữ”. Triết lý này thật là sâu sắc vì đã lấy một vật có giá trị nhất (vàng) để so sánh với chữ (kiến thức) và hơn thế, đã coi cả “một kho vàng” vẫn “không bằng một nang chữ”. Có chữ, có kiến thức còn hơn có cả kho vàng. Bởi vậy, kẻ sĩ (người thông hiểu chữ Thánh hiền, người có trí tuệ uyên bác) được xếp vào bậc cao trong bậc thang giá trị xã hội và là mơ ước của bao người. Một người đỗ đạt là niềm hạnh phúc, tự hào không chỉ của một gia đình, dòng tộc, mà còn của cả làng, cả nước. Một dân tộc coi trọng trí tuệ như thế, coi trọng giáo dục như thế là một dân tộc văn hiến.

Vì xuất phát từ mục đích đề cao nhân cách, nên người Việt Nam coi nguyên tắc chỉ đạo trong hoạt động giảng dạy và học tập là: “Tiên học lễ, hậu học văn”. Điều này có nghĩa rằng, trước khi học chữ, học kiến thức thì người học phải học phép tắc, lễ nghĩa, nhân cách làm người, bởi nếu không, việc học sẽ trở nên vô dụng.

Trong quan điểm giáo dục, người Việt Nam đề cao yếu tố phát triển: “Con hơn cha là nhà có phúc”. Thế hệ sau hơn thế hệ trước là điều đáng mừng. Trong cái hơn đó, có cả cái khác biệt với những điều mà thế hệ trước có. Ông cha ta cho đó là điều phúc, là có phúc. Đây là một tư tưởng, quan niệm khá “hiện

đại” thể hiện một tầm tư duy cao, thấy được quy luật và sự cần thiết của sự thay đổi, sự phát triển. Các thế hệ đi trước không bắt buộc, không đòi hỏi các thế hệ đi sau phải lặp lại, phải giống như các thế hệ đi trước, mà chấp nhận sự thay đổi. Đó không phải là chấp nhận miễn cưỡng, mà là quan điểm chỉ đạo, định hướng đối với các thế hệ tương lai. Quan niệm này phù hợp với quy luật vận động phát triển của xã hội loài người; sự vận động đó là sự kế thừa truyền thống và đổi mới cho phù hợp với các yêu cầu của thời đại.

### **3. Triết lý về nội dung học và phương pháp giáo dục**

Nội dung học theo người Việt Nam cần phải toàn diện. Điều đó được thu tóm trong câu: “Học ăn học nói, học gói học mở”. Học ăn, học nói là học để cư xử đàng hoàng, nói năng đâu ra đấy: “Ăn nên đọi, nói lên lời”, “Ăn trông nòi, ngồi trông hướng”.

Lời nói có một ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt là lời nói đúng, lời nói phải: “Lời nói gói vàng”. Vì vậy, người ta cần nói năng tế nhị, lịch sự, dịu dàng: “Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Khi nói cũng cần có mức độ, nói ít mà hay hơn là nói nhiều. “Nói hay hơn hay nói” vì những lời nói lảm đẫu hay cũng nhảm. Những điều răn dạy trên không qua sách vở, không qua những bài giảng có bài bản, nhưng có tính triết lý sâu sắc; vì thế, thành ngữ, tục ngữ có sức sống

mãnh liệt.

Người Việt Nam coi trọng phương pháp giáo dục. Phương pháp giáo dục đó thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

- Giáo dục con người phải từ khi con người còn trẻ thơ. Thành ngữ, tục ngữ có câu “Dạy con từ thủa còn thơ”, nghĩa là phải giáo dục con trẻ ngay từ khi đứa trẻ còn thơ dại, non nớt, bởi “Tre non dễ uốn”, “Non chẳng uốn, già nỏ đốt”, “Bé chẳng vin, cả gãy cành”.

- Giáo dục phải dùng những lời nói ngọt ngào có tình, có lý. Có như vậy, người nghe mới dễ thấm, bởi: “Nói ngọt lọt đến xương”. Điều đó mang lại hiệu quả cao hơn là sự “thét mắng” hay dùng “roi vọt”.

- Giáo dục phải coi trọng trải nghiệm thực tiễn. Người xưa dạy: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Câu này chẳng những đúc rút kinh nghiệm học tập của người xưa, mà còn nêu ra một tính quy luật, đó là đi xa sẽ mở rộng tầm hiểu biết và thoát khỏi tầm nhìn hạn chế của mình. Để có tri thức, con người cần có quan hệ với môi trường xã hội. Con người trong quá trình trưởng thành chịu sự ảnh hưởng rất lớn của môi trường xã hội. Cũng có thể hiểu rằng, đó là vai trò của hoạt động thực tiễn đối với nhận thức con người. Chỉ có tham gia hoạt động thực tiễn thì con người mới tiếp thu được tri thức của cộng đồng, nhân loại. “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” chính là phương thức chiếm lĩnh tri thức bằng con đường thực tiễn. Đó

cũng chính là quy luật của nhận thức. Nhận thức không phải một lần là xong, mà là một quá trình. Nhiều thành ngữ, tục ngữ Việt Nam có nội dung liên quan đến nhận thức luận tuy không có cách diễn đạt dưới hình thức lý luận khoa học. Nhân dân lao động đã trình bày vấn đề quy luật nhận thức đơn giản như ta đi một ngày đàng, ta tham gia một hoạt động, ta học được nhiều điều từ cuộc sống. Cái sâu sắc chính là cái giản dị. Bởi nó là cuộc sống.

- Giáo dục phải coi trọng tính thực tiễn: “Trăm nghe không bằng một thấy”. Câu này khẳng định, yếu tố thực tiễn trong giáo dục. Khi học thì phải hành, phải làm, phải ứng dụng lý thuyết vào thực tế, vì: “Trăm hay chẳng bằng tay quen”, “Nói hay không tày hay làm”, “Học để mà hành”. Học phải đạt đến trình độ tinh thông nghề nghiệp: “Một nghề cho chín, hơn chín mươi nghề”. Nói phải đi đôi với làm: “Nói thì có, làm thì không”, “Nói hay cày dờ”, bởi vì “Nói thì dễ, làm lẽ thì khó”.

- Giáo dục phải đạt trình độ hiểu sâu sắc “Hiểu sâu biết rộng”. Hiểu sâu thì nói đâu sáng đó, hiểu chưa rõ thì nói đó mờ đây, hiểu sâu thì nhớ lâu muôn thừa, hiểu dờ thì chưa nhớ đã quên.

- Giáo dục phải kiên trì. Người Việt Nam tin vào năng lực nhận thức của mọi người. Ai cũng có thể học được nếu chịu khó, kiên trì, nhẫn nại: “Dốt đến đâu học lâu cũng biết”. Đây là một quan niệm tiến bộ và nhân văn, nhưng

cũng rất khoa học: “Học lâu cũng biết”, chứ không phải “học lâu cũng giỏi”! Muốn biết thì phải học: “Muốn lành nghề chớ nề học hỏi”, “Học không bao giờ muộn”.

- Giáo dục phải chú ý tới vai trò của bạn học. Bên cạnh việc học thầy, người Việt Nam còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học bạn: “Học thầy chẳng tày học bạn”, vì bạn là người đồng hành gần gũi thân cận, là người trợ thủ đắc lực và hợp tác trên con đường chiếm lĩnh tri thức. Người học có thể tìm thấy ở bạn học những hiểu biết và kinh nghiệm quý báu.

Có thể nói, những quan điểm về phương pháp giáo dục, của nhân dân ta thật sâu sắc. Nhiều quan điểm đã trở thành phương châm, nguyên lý chỉ đạo nền giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, những vấn đề như trực quan trong dạy học, học gắn với hành vẫn chưa thực sự đi vào thực tiễn dạy học. Tình trạng học chay, học chưa gắn với hành đang là một trong những điểm yếu trong phương pháp dạy học thời nay.

#### **4. Triết lý về vai trò của người thầy và của gia đình**

Người Việt Nam rất coi trọng vai trò của người thầy: “Không thầy đố mày làm nên”. Con người muốn hoàn thiện được mình cần có sự tu dưỡng, sự hướng dẫn của người khác. Nhận thức được điều đó cho nên, trong giáo dục, người Việt Nam tự đề cao tình nghĩa thầy trò: “Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa”, “Nhất tự

vi sư, bán tự vi sư" (Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy). Sống ở đời phải biết kính trọng thầy, phải có lòng trọng nghĩa thủy chung. Với quan niệm này, người Việt Nam đã khẳng định một đạo lý làm người: không được quên công ơn của người thầy.

Thấy được tầm quan trọng của việc học và vai trò của người thầy giáo, nên nhân dân ta rất coi trọng thầy giáo và nghề giáo. "Tôn sư trọng đạo" là truyền thống tốt đẹp bậc nhất của dân tộc ta. Chỉ khi coi trọng giáo dục, đánh giá cao vai trò giáo dục thì mới coi trọng nghề giáo, coi trọng thầy giáo. Một dân tộc coi trọng nghề giáo là một dân tộc coi trọng tri thức, dân tộc đó tất yếu sẽ đạt đến đỉnh cao trí tuệ nhân loại, dân tộc đó chắc chắn có tương lai bền vững.

### **5. Triết lý về vai trò, trách nhiệm của gia đình trong giáo dục**

Con người sinh ra trong môi trường tốt, nhận được sự giáo dục ngay từ nhỏ thì nhân cách của con người sẽ phát triển tốt. Mọi quan hệ đầu tiên mà con người tiếp xúc là quan hệ gia đình. Ngay trong môi trường đó, con người dần dần hình thành và phát triển nhân cách của mình. Truyền thống gia đình sẽ được lĩnh hội qua cách giáo dục của cha mẹ. Bố mẹ ăn ở nhân đức thì con cháu sẽ được thảo hiền "Cha hiền con thảo". Câu trên khẳng định vai trò của yếu tố giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người, trong đó các thế hệ đi trước đóng vai trò là những tấm

gương về nhân cách.

Bản tính con người không phải là thiên định, không phải đã có sẵn từ trước, mà là do môi trường, quan hệ xã hội và do giáo dục mà nên. "Dưỡng nam bất giáo như dưỡng lư, dưỡng nữ bất giáo như dưỡng tru", có nghĩa là nuôi con trai mà không dạy thì như nuôi lừa, nuôi con gái mà không dạy thì như nuôi lợn. Yếu tố giáo dục của gia đình cực kỳ quan trọng. Giai đoạn nhỏ tuổi đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của con người. Sự giáo dục của gia đình tạo bước khởi đầu cho sự phát triển về sau của con người.

Vai trò của gia đình trong giáo dục con cái là rất lớn. Việc giáo dục của gia đình đối với con cái không đến nơi đến chốn sẽ đem đến hậu quả là: "Con dại cái mang". Cha mẹ phải gánh chịu trách nhiệm, hậu quả về phẩm chất của con cái: "Con hư bởi tại cha dong".

Trong gia đình, vai trò của người mẹ, người bà, theo người Việt Nam, là hết sức quan trọng, có ảnh hưởng gần như quyết định đến sự hình thành nhân cách của người con. Nếu người bà, người mẹ không biết giáo dục con trẻ thì sẽ làm hư con trẻ: "Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà". Bởi vậy, người mẹ, người bà phải hết sức nghiêm khắc, mẫu mực và phải có phương pháp giáo dục tốt. Theo người Việt Nam, thương yêu con cái thì phải nghiêm khắc dạy bảo, rèn cặp: "Thương con để dạ"; "Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi".

Khi con trẻ mắc lỗi, người lớn phải có lòng vị tha, nhân ái độ lượng, không nên cố chấp hắt hủi, mà phải biết: "Giơ cao, đánh khẽ". Khi đưa con biết ăn năn, hối lỗi thì nên: "Đánh kẻ chạy đi, chứ không đánh người chạy lại".

### **6. Triết lý về vai trò và ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với việc hình thành nhân cách con người**

Người Việt Nam nhận thức rõ sự ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với sự hình thành nhân cách, phẩm chất, đạo đức của con người. "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Hai câu này không những khẳng định sự cần thiết phải mềm dẻo, linh hoạt trong cuộc sống, mà còn khẳng định sự ảnh hưởng to lớn của môi trường đến nhân cách con người, mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện và kết quả. Hoàn cảnh sống như thế nào thì nhân cách của con người như thế ấy. Phẩm hạnh, tư chất con người chịu sự ảnh hưởng, tác động của hoàn cảnh sống. Vì thế, sống ở đâu thì phải theo phong tục ở đó: "Nhập gia tùy tục". Cũng vì sự tác động của hoàn cảnh đến sự hình thành nhân cách cho nên người ta phải chọn nơi cư trú, chọn người tốt mà quan hệ: "Ở chọn nơi, chơi chọn bạn".

### **Kết luận**

Tinh hoa văn hoá dân tộc trong kho tàng văn học dân gian, đặc biệt trong thành ngữ, tục ngữ, là rất phong phú và

sâu sắc. Những triết lý giáo dục sâu sắc của người Việt Nam đã được khái quát hóa và đúc kết qua các câu thành ngữ, tục ngữ rất bình dị, dễ hiểu. Triết lý giáo dục đó thể hiện trên nhiều phương diện và được lưu truyền từ thế hệ này qua các thế hệ khác, góp phần chỉ đạo hoạt động giáo dục hàng ngày của nhân dân một cách có hiệu quả. Nhiều triết lý có giá trị đã trở thành những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo; đang được vận dụng trong lý luận dạy học ở nước ta ngày nay.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Dung, Vũ Thuý Anh, Vũ Quang Hào (2000), *Từ điển Thành ngữ và Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn Hoá - Thông tin, Hà Nội.
2. Bùi Văn Dũng (2008), "Tư tưởng triết học về nguồn gốc và bản chất con người trong thành ngữ, tục ngữ Việt Nam", Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 5(90), tr. 42-45.
3. Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thuý Loan, Phan Lan Hương, Nguyễn Luân (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt*, tập 1, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thuý Loan, Phan Lan Hương, Nguyễn Luân (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt*, tập 2, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
5. Phạm Minh Hạc (2013), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Thái Duy Tuyên (2007), *Triết học Giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

